

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **203/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

2./ Ông Dương Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 609/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Đài T, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn, bà Phạm Đài T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đặng Văn T1 đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/4/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do chồng không lo làm

ăn dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Tôi có nguyện vọng là đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đặng Văn T1.

- Về con chung: Tôi và ông Đặng Văn T1 có 02 con chung:

1./ Đặng Khánh H, sinh ngày 24/7/2017;

2./ Đặng Văn H1, sinh ngày 06/12/2021;

Hiện nay các con chung đang ở với tôi. Tôi có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đặng Khánh H và cháu Đặng Văn H1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí.

Mặc dù bị đơn ông Đặng Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Đặng Văn T1 vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ trông chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Đài T:

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Đài T được ly hôn với ông Đặng Văn T1.

Về con chung:

Giao cháu Đặng Khánh H, sinh ngày 24/7/2017 và cháu Đặng Văn H1, sinh ngày 06/12/2021 cho bà Phạm Đài T chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Đài T yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn T1, địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đặng Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Đài T và ông Đặng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/4/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Nguyên đơn trình bày Bà Phạm Đài T và ông Đặng Văn T1 chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chồng không lo làm ăn dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông T1.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “*Trong quá trình chung sống bà T, ông K có mâu thuẫn vợ chồng, cãi nhau, đánh đập nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Bà T đã ly thân với ông K từ năm 2022 đến nay.*”

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà Phạm Đài T xét thấy không còn tình cảm với ông Đặng Văn T1, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Đài T, cho bà Phạm Đài T được ly hôn với ông Đặng Văn T1.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phạm Đài T và ông Đặng Văn T1 có 02 con chung là Đặng Khánh H, sinh ngày 24/7/2017 và cháu Đặng Văn H1, sinh ngày 06/12/2021.

Bà T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu. Đối với cháu Đặng Khánh H: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu H: Cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ; đối với cháu Đặng Văn H1 hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Nên Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng Khánh H, sinh ngày 24/7/2017 và cháu Đặng Văn H1, sinh ngày 06/12/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Đài T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Đài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn ông Đặng Văn T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Đài T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Đài T được ly hôn với ông Đặng Văn T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Đặng Khánh H, sinh ngày 24/7/2017 và cháu Đặng Văn H1, sinh ngày 06/12/2021 cho bà Phạm Đài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Đặng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Đài T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0013101 ngày 02 tháng 7

năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan

